

Bản án số: 16/2020/HNGĐ - ST

Ngày 07 tháng 8 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình
về ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Hỷ;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Huyền;

2. Bà: Trần Phương Thảo;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên;

Ngày 07 tháng 8 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2019/TLST – HNGĐ, ngày 23/12/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST - HNGĐ ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị D – sinh năm 198x;

Địa chỉ: thôn ThĐ, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.
(có mặt);

2. Bị đơn: Hà Văn T – sinh năm 198n;

Địa chỉ: thôn ThĐ, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa;
(vắng mặt không có lý do);

**Những người làm chứng:*

1. Ông Lương Văn Nh(vắng mặt);

2. Ông Vũ Công D(vắng mặt);

Đều công tác tại: Ban Công an xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2019 của chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn và bản tự khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

** Về hôn nhân:* Nguyên đơn Nguyễn Thị D và bị đơn Hà Văn T kết hôn với nhau vào năm 2006, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, thật sự yêu thương nhau và không bị ai ép buộc được hai bên 2 gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TX vào ngày 02/5/2006. Sau khi lấy nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng tháng 5 năm 2017 thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm, suy nghĩ, cách sống của mỗi người là khác nhau, không thông cảm cho nhau nên không tìm thấy sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng; nguyên đơn cho rằng bị đơn Hà Văn T sống không có trách nhiệm với gia đình, không tu trí làm ăn, thường xuyên ham chơi, rượu chè bê tha. Chị D đã nhiều lần động viên, khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã được 2 bên gia đình nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn Hà Văn T.

** Về con cái:* Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung, tên các cháu là Hà Thị Th — sinh ngày 22/3/2007 và cháu Hà Thị Trúc L – sinh ngày 07/12/2012, nay chị D yêu cầu xin ly hôn, nguyện vọng của cháu Th và cháu L muốn được tiếp tục sống với mẹ. Nguyên đơn Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Về tài sản và công nợ:* Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Hà Văn T sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân thì anh T không ký vào biên bản giao nhận và không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập cũng như thông báo hòa giải. Qua xác minh tại địa phương thì anh Hà Văn T là Đảng viên, thôn đội trưởng dân quân tự vệ thôn ThĐ, thỉnh thoảng anh T có uống rượu nên vợ chồng to tiếng với nhau, hiện nay anh T đang cư trú tại địa phương. Như vậy anh Hà Văn T trốn tránh gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã lập biên bản về việc không hòa giải được đối với vụ việc trên. Vào ngày 17 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử, đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn Hà Văn T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã ra quyết định hoãn phiên tòa, niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay một lần nữa bị đơn Hà Văn T vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, UBND xã TT, huyện TX đã xác nhận: Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị D chính quyền địa phương có biết, hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm là do các đương sự tính tình không hợp nhau, điều kiện gia đình khó khăn, chị D có đi làm thuê khoảng 2,3 năm nay anh T có gọi về nhưng chị D nhất quyết không về nên dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn.

*Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót vi phạm gì; Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành chấp hành đúng các quy định, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc ra bản án vắng mặt bị đơn là hợp lý.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51,56,57, 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271,273,278 BLTTDS 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị D; Giao cháu Hà Thị Th cho bị đơn Hà Văn T, cháu Hà Thị Trúc L cho nguyên đơn Nguyễn Thị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Th, L đến tuổi trưởng thành; Buộc nguyên đơn Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Hà Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Hà Văn T có nơi cư trú tại thôn ThĐ, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm

a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Hà Văn T.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị D và bị đơn Hà Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2006 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TX, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2017 đến nay. Chị D xin ly hôn, anh T không có ý kiến gì. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về hôn nhân giữa nguyên đơn Nguyễn Thị D và bị đơn Hà Văn T đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy nên chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị D là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về con cái: Xét việc đề nghị yêu cầu nuôi con của chị D là nguyện vọng chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị tiếp tục giao cháu Hà Thị Th cho bị đơn Hà Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Hà Thị Trúc L do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo các điều kiện phát triển bình thường của trẻ em, do các cháu tâm sinh lý phát triển chưa hoàn thiện nên cần sự quan tâm, gần gũi chăm sóc từ người thân, hiện nay cháu Th đang ở cùng với anh T, cháu L đang ở cùng với chị D ổn định, vì vậy giao cho mỗi người nuôi một cháu là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản, công nợ: Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235, 271, 273, 278 và 280 BLTTDS 2015; Điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016.

1. Về hôn nhân:

Xử: Cho nguyên đơn Nguyễn Thị D được ly hôn với bị đơn Hà Văn T.

2. Về con cái:

Tiếp tục giao cháu Hà Thị Th cho bị đơn Hà Văn T và giao cháu Hà Thị Trúc L cho nguyên đơn Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th, cháu L đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nguyên đơn, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí và các vấn đề khác:

Nguyên đơn Nguyễn Thị D phải nộp **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn Nguyễn Thị D đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0005025, ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, Thanh Hóa. Nguyên đơn Nguyễn Thị D đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Ban Tư pháp xã TT;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Sỹ Hỷ